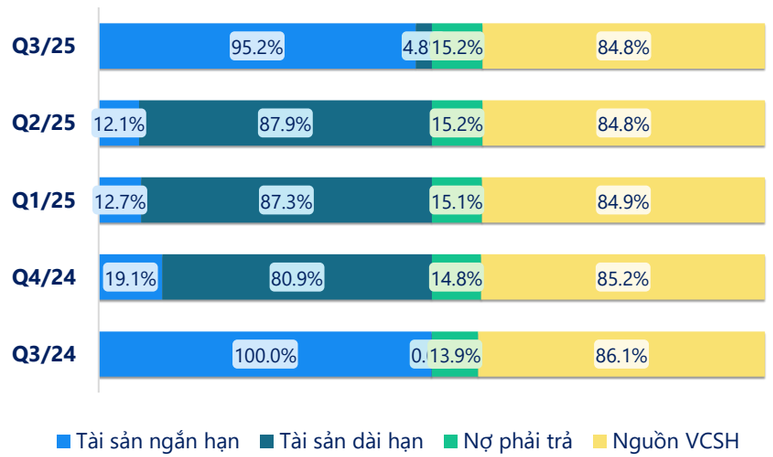
FireAnt

CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	51,115
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	63
P/E	-6.8
EPS	-311

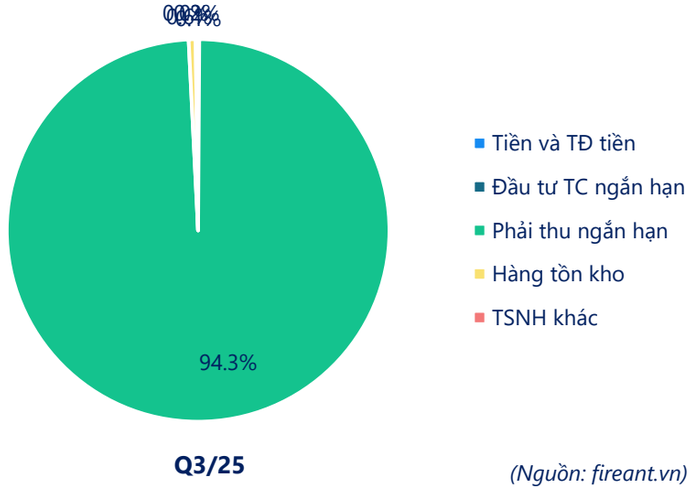
	YTD	1T	3T	6T
KSQ	-32.3%	0.0%	23.5%	-30.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



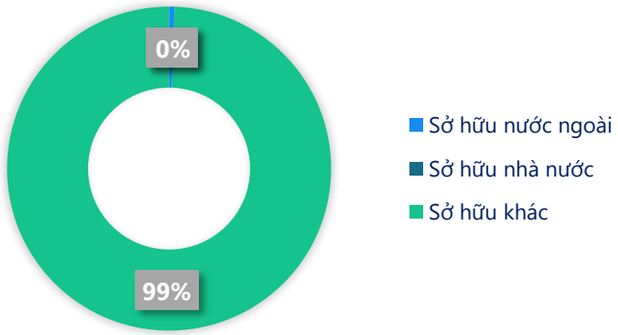
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



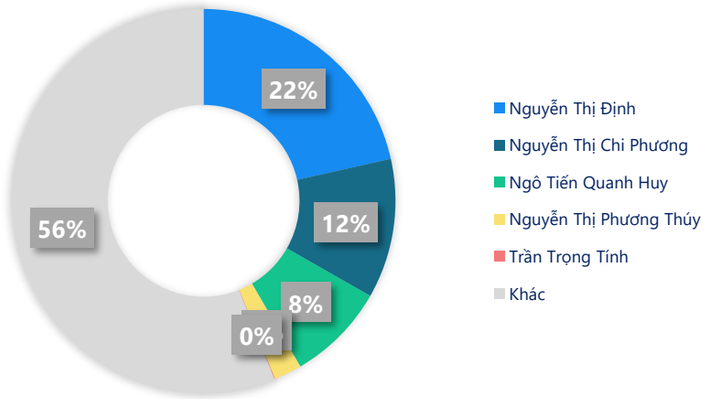
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



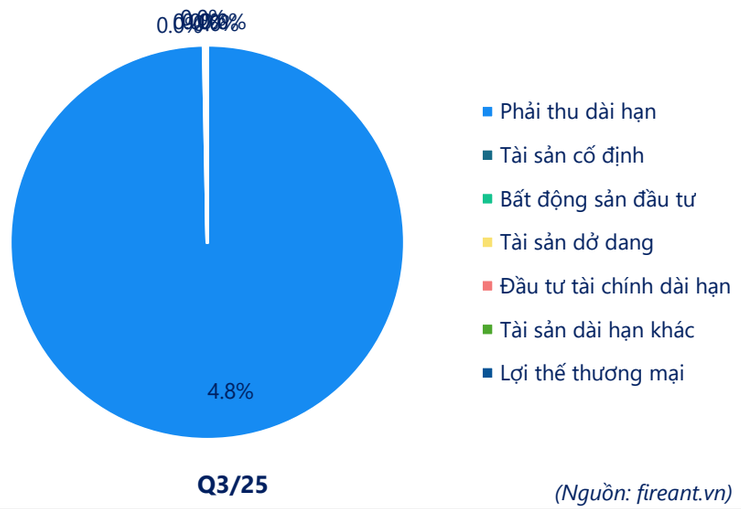
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

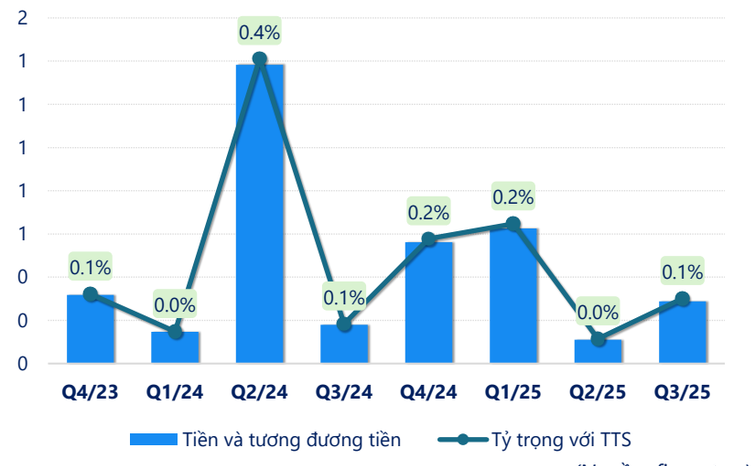


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

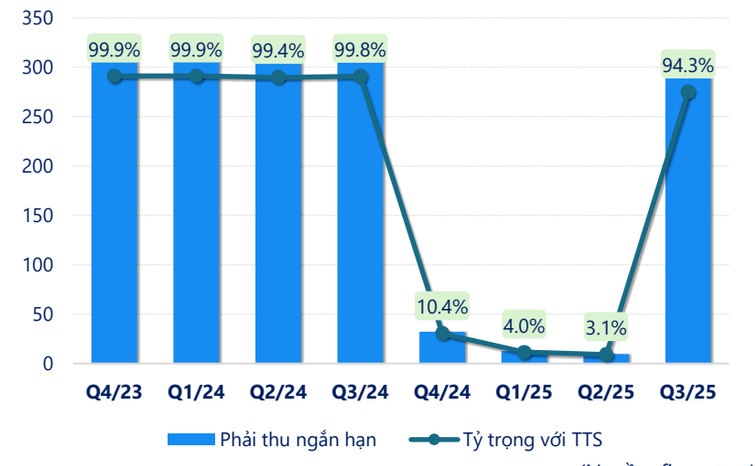
CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

Tiền và tương đương tiền



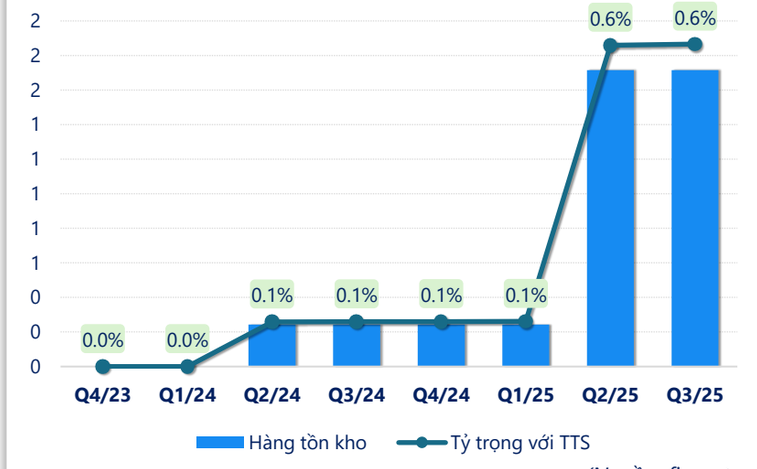
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



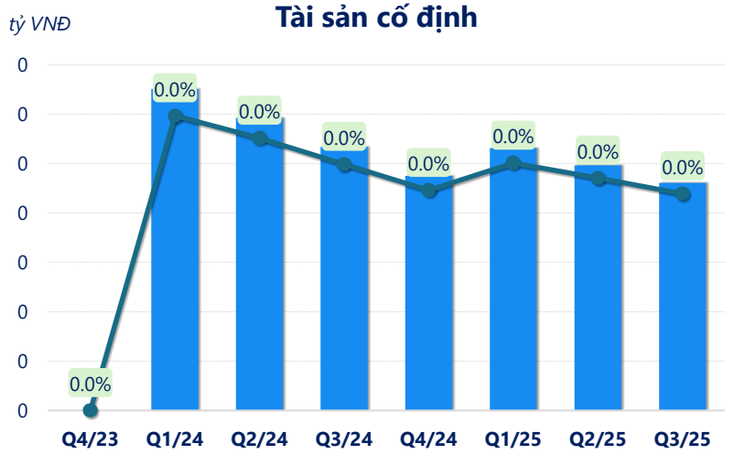
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



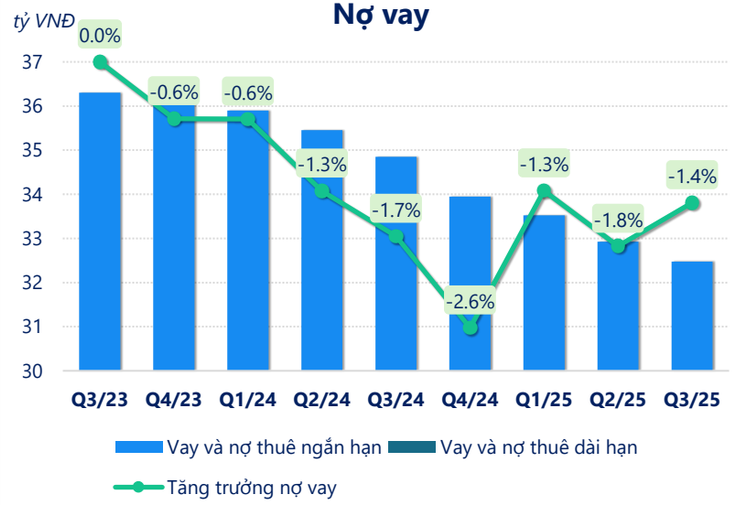
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



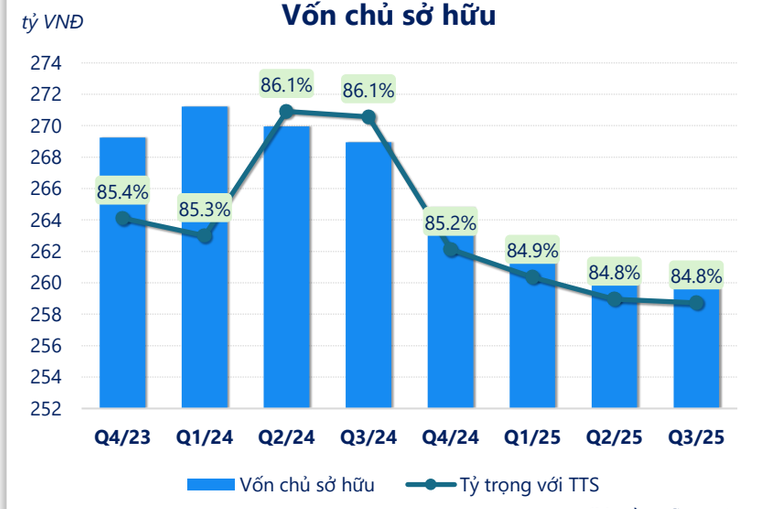
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

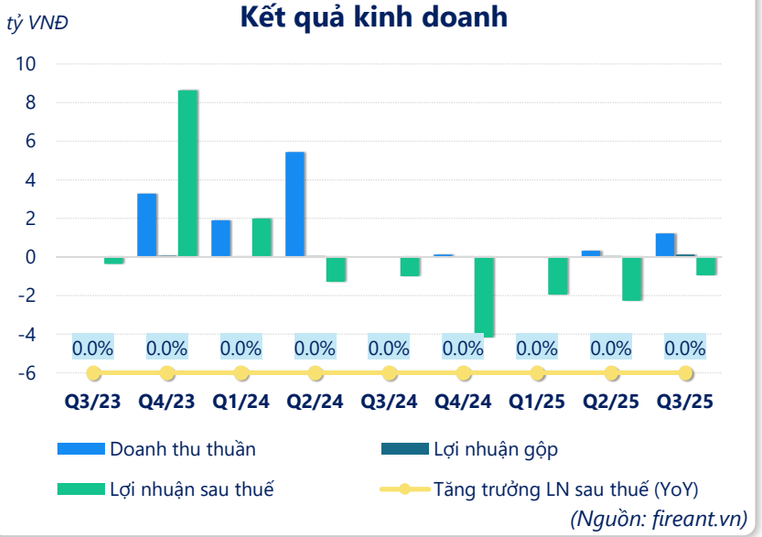


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

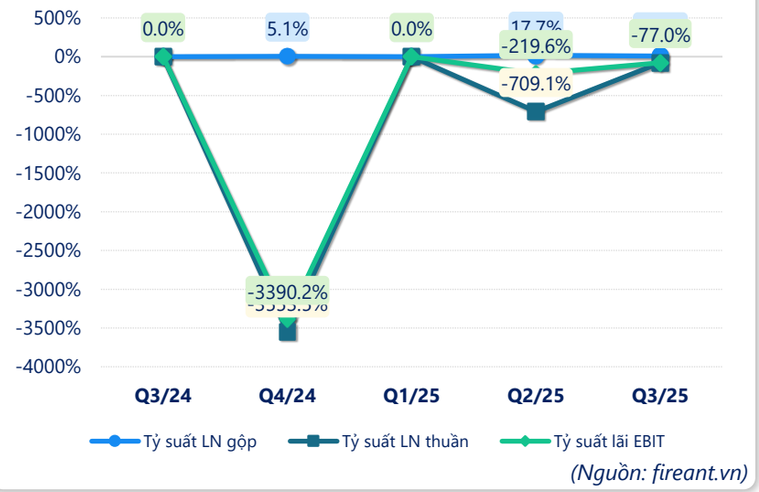
CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

Kết quả kinh doanh



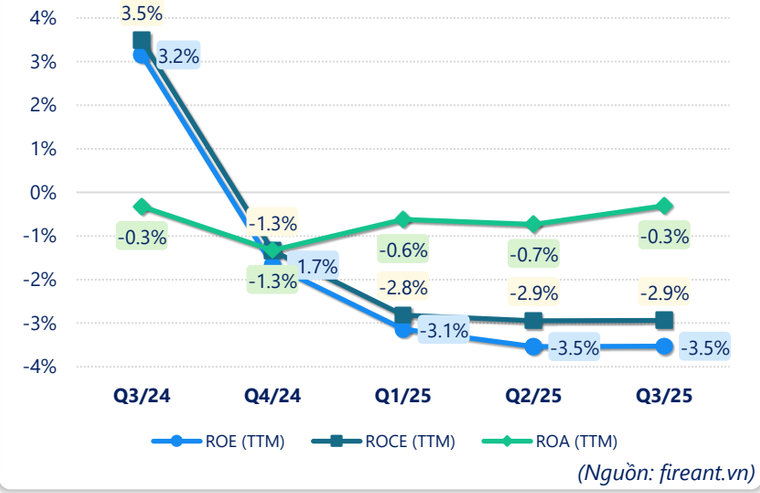
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



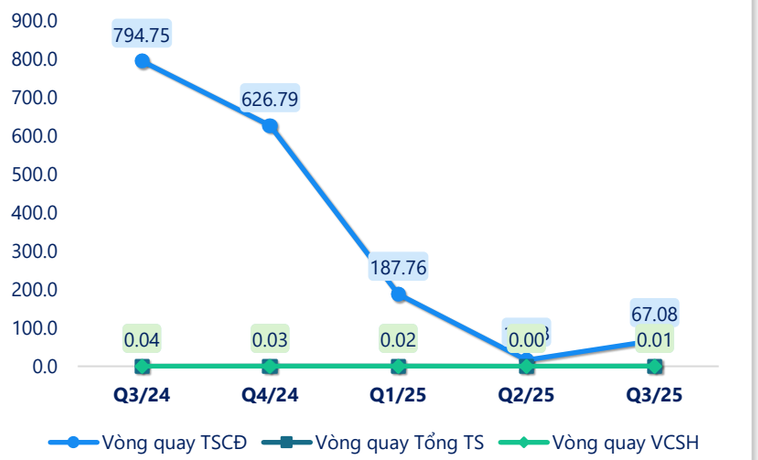
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



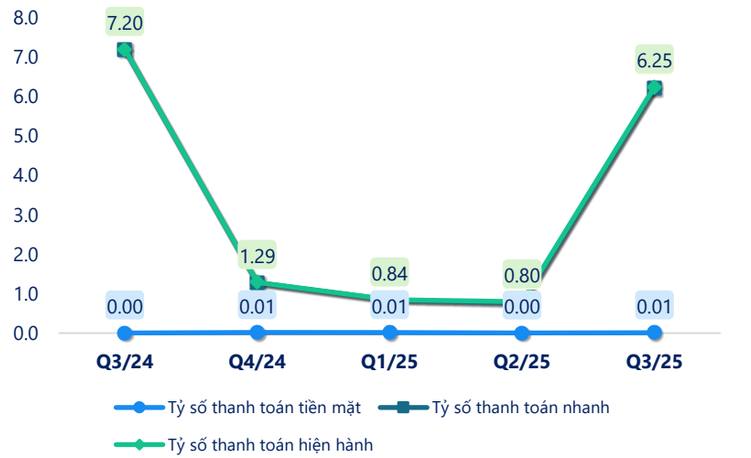
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



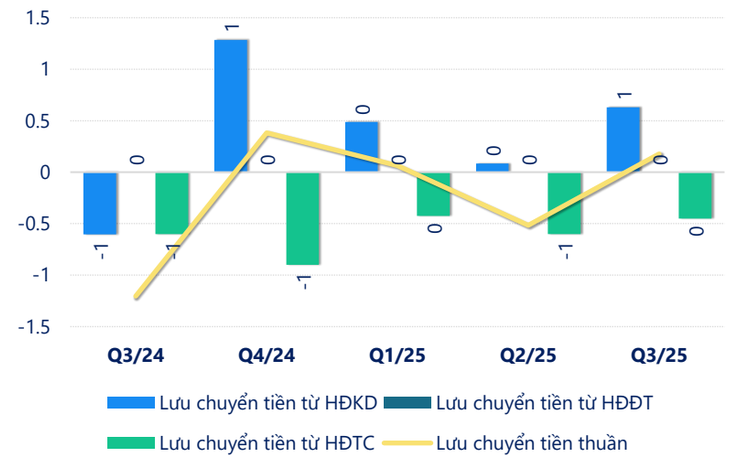
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**306**	**311**	**-1.5%**
Tài sản ngắn hạn	292	36.8	692%
Tiền và tương đương tiền	0.29	0.56	-48.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	289	9.65	2894%
Hàng tồn kho	1.71	0.24	606%
Tài sản ngắn hạn khác	0.59	26.4	-97.8%
Tài sản dài hạn	**14.8**	**274**	**-94.6%**
Phải thu dài hạn	14.7	22.6	-34.9%
Tài sản cố định	0.02	0.03	-18.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.02	252	-100.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.7	46.2	1.1%
Nợ ngắn hạn	**46.7**	**46.2**	**1.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	32.5	34.0	-4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.19	1.59	-24.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**260**	**265**	**-2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**260**	**265**	**-2.0%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0	0.12	0	0.32	1.23
Giá vốn hàng bán	0	0.12	0	0.26	1.10
Lợi nhuận gộp	0	0.01	0	0.06	0.12
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.75	3.90	0.78	0.79	0.79
Chi phí lãi vay	0	0	0	1.57	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.25	0.46	1.17	1.54	0.27
LN thuần từ HĐKD	-1.00	-4.36	-1.95	-2.27	-0.94
Lợi nhuận khác	0.00	0.20	0	0.00	0
LN trước thuế	-1.00	-4.16	-1.95	-2.27	-0.94
Lợi nhuận sau thuế	-1.00	-4.16	-1.95	-2.27	-0.94
LNST của CĐ cty mẹ	-1.00	-4.16	-1.95	-2.27	-0.94

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.60	1.28	0.49	0.08	0.63
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.60	-0.90	-0.43	-0.60	-0.45
Tiền đầu kỳ	1.38	0.18	0.56	0.63	0.11
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.20**	**0.38**	**0.06**	**-0.52**	**0.18**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.18	0.56	0.63	0.11	0.29

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic